

KHẢO SÁT CÁC ẢN PHẨM BÁO CHÍ VIỆT NAM PHỤ NỮ TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP

BÙI PHƯƠNG LINH
Viện Ngôn ngữ học,
Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam

Nhận bài ngày 14/8/2026. Sửa chữa xong 12/9/2026. Duyệt đăng 16/9/2026.

Abstract

Throughout the development of Vietnam's revolutionary press, publications for women have played a particularly important role in propaganda, education, and mass mobilization. *Việt Nam Phụ nữ* (Vietnamese Women) was among the newspapers published during the early stages of the resistance war against French colonial rule. This study examines the circumstances surrounding the newspaper's establishment, its format and content, and its significance and value for the development of the revolutionary press and the Vietnamese women's movement.

Keywords: Press, revolutionary press, *Việt Nam Phụ nữ*.

1. Đặt vấn đề

Năm 1945, ngày 30-8, vua Bảo Đại đồng ý thoái vị không tiếng súng, đánh dấu sự kiện có ý nghĩa quan trọng trong cuộc Tổng khởi nghĩa Cách mạng Tháng Tám, là sự sụp đổ hoàn toàn của chế độ phong kiến. Sự kiện thoái vị của vua Bảo Đại mang ý nghĩa sâu sắc của sự chuyển giao quyền lực không tiếng súng từ chế độ phong kiến sang chế độ xã hội chủ nghĩa, chuyển giao từ chính quyền Nhân dân mà không có tiếng súng (Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, 2002).

Sau khi vua Bảo Đại thoái vị, Nam Phương Hoàng hậu đã chuyển từ Cung đình Huế ra sinh sống tại Cung An Định. Đến năm 1949, Pháp đưa vua Bảo Đại về Việt Nam làm Quốc trưởng, nhằm xây dựng lại chế độ phong kiến, nhằm tiếp tục đô hộ người dân, không cho người dân học chữ để dễ dàng cai trị (Khúc Thị Thanh Huyền, 2015).

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thắng lợi, nước Việt Nam được thành lập, mang lại niềm hy vọng mới về cuộc sống. Đồng thời, cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn như nạn đói, nền kinh tế kiệt quệ do chiến tranh, người dân mù chữ do chế độ cai trị của thực dân Pháp. Cuộc kháng chiến thành công, nhưng dân và quân Việt Nam cũng luôn trong tình thế sẵn sàng cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bùng nổ vào cuối năm 1946 (Đào Duy Quát et al., 2010).

Nhà nước Việt Nam trong thời gian thành lập còn non trẻ, muốn phát triển kinh tế, xóa nạn mù chữ, động viên Nhân dân tham gia kháng chiến, còn gặp nhiều khó khăn. Trong tình hình đó, Nhà nước Việt Nam xác định báo chí cách mạng là công cụ tuyên truyền quan trọng vừa giúp xóa nạn mù chữ vừa nhằm củng cố chính quyền non trẻ, động viên Nhân dân tham gia kháng chiến và xây dựng đất nước (Ban Tuyên giáo Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, 2010).

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm và đánh giá cao vị trí, vai trò của phụ nữ. Bác nhấn mạnh vai trò của phụ nữ trong quá trình phát triển lịch sử của đất nước Việt Nam, không chỉ trong cuộc sống hàng ngày chăm lo cho gia đình, mà còn cả trong công việc. Bác luôn nhấn mạnh phụ nữ nên có tờ báo riêng, chính vì vậy, hưởng ứng từ những điều đó, rất nhiều cán bộ, lãnh đạo đã đứng ra làm chủ biên. Mặt trận Việt Minh cùng Hội Phụ nữ Cứu quốc đã chủ trương xây dựng một cơ quan báo chí chuyên biệt dành

Email: phuonglinhvass62@gmail.com

cho phụ nữ. Báo Việt Nam Phụ nữ ra đời tại Huế, số đầu tiên phát hành ngày 01 tháng 11 năm 1948 (Báo Phụ nữ, 1945–1954; Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, 2002).

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Đặc điểm tờ báo

Tờ báo do Hội Phụ nữ Cứu quốc cùng với Mặt trận Việt Minh xây dựng vào ngày 01 tháng 11 năm 1948 được ra đời trên đường Phan Đình Phùng tại Huế do nhà in của ông Viễn Đệ xuất bản. Đây là một trong số những tờ báo tư nhân xuất hiện sớm trong lịch sử báo chí cách mạng. Ông Tôn Thất Viễn Đệ là hậu duệ hoàng tộc nhà Nguyễn thuộc dòng dõi Tuy Lý Vương Tôn Thất Hường - một hoàng thân nổi tiếng về văn học. Ông là người có tư tưởng mới, nhạy bén với công việc kinh doanh, điển hình là sản phẩm dầu trầm khuynh diệp với nhãn hiệu "Viễn Đệ". Trong quá trình sản xuất, ông nhận thấy tầm quan trọng của việc quảng bá, bao bì, nhãn mác và truyền thông, hơn nữa, còn am hiểu văn hóa, báo chí và kỹ thuật in ấn, nên ông quyết định tự đầu tư máy móc, công nghệ để làm chủ khâu in ấn (Báo Phụ nữ, 1945–1954).

Từ khi ra đời, tờ báo được xác định tập trung vào đối tượng độc giả nữ, góp phần mở rộng phát triển báo chí cách mạng, đồng thời mở rộng phạm vi tuyên truyền đến mọi tầng lớp phụ nữ trong xã hội. Hơn nữa, việc ra đời tại Huế - kinh đô cũ của triều đại phong kiến cuối cùng - và sự ảnh hưởng của lễ giáo phong kiến không nhỏ tới những lễ giáo, tư tưởng bảo thủ từ lâu tại Huế.

Sau ngày Toàn quốc kháng chiến vào tháng 12 năm 1946, Mặt trận Huế vỡ, thực dân Pháp chiếm đóng đô thị. Tờ báo ra đời tại Huế - kinh đô cũ, chịu ảnh hưởng của lễ giáo phong kiến và tư tưởng bảo thủ. Tờ báo Việt Nam Phụ Nữ do ông Viễn Đệ, người có tư tưởng mới, cùng với bà Xuân Dung đã định hướng tờ báo không chỉ bàn về nữ công gia chánh hay đời sống gia đình, mà còn đăng tải các bài viết về quyền lợi phụ nữ, học thuật, văn học và tinh thần dân tộc trong giai đoạn kháng chiến/chuyển biến lịch sử (1948–1950). Sự kết hợp giữa họ đã tạo nên một trong những tờ báo tư nhân dành riêng cho phụ nữ có hình thức trình bày trang nhã, mỹ thuật cao bậc nhất thời đó (Đỗ Quang Hưng, 2000; Khúc Thị Thanh Huyền, 2015).

Tờ báo xuất hiện lần đầu vào ngày 01/11/1948, sau đó được xuất bản định kỳ hai số mỗi tháng, vào ngày 01 và ngày 16. Chủ nhiệm tờ báo là bà Xuân Dung. Tờ báo được chia thành từng chuyên mục, sắp xếp những tiêu đề nổi bật nhằm thu hút người đọc, được các nhà làm báo chăm chút tỉ mỉ như một bức tranh nghệ thuật. Những ấn phẩm còn giữ được tới ngày nay cho thấy bố cục kết hợp nét vẽ mộc mạc của hoa mai, hoa đào, rặng trúc cùng hình bóng người phụ nữ ẩn hiện, tạo cảm giác vừa hoài cổ vừa tinh tế, màu sắc trang nhã, nhẹ nhàng như người con gái Huế (Báo Phụ nữ, 1945–1954).

Trong những số đầu, tờ báo được phát hành với mức 2 đồng ở số 3 và tăng lên 3 đồng ở số 5. Nhà in Viễn Đệ là nhà in tư nhân, được xuất bản trong thời gian chiến tranh, nhưng thiếu hụt giấy in, mực in, chi phí vận chuyển bí mật trong thời gian này, có thể thấy chiến tranh đã gây ra khó khăn tài chính, dù có được một phần thu từ việc kinh doanh nhưng việc thiếu nguyên liệu trong in ấn cũng khiến tờ báo phải tăng giá bán tờ báo. Do vật tư in ấn phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn vận chuyển bí mật từ vùng tạm chiếm ra hoặc tự sản xuất thủ công (như giấy dương, giấy bản). Khi nguồn cung bị địch phong tỏa hoặc đứt gãy, giá vật tư tăng vọt buộc tòa soạn phải điều chỉnh giá bán lập tức (Báo Phụ nữ, 1945–1954).

Giá giấy in và vật tư ngành in biến động dữ dội trong vùng chiến sự, cùng với đó, nhà in gặp khó khăn, nhiều rủi ro cho việc in ấn và vận chuyển báo chí cách mạng, đồng thời, chi phí duy trì tòa soạn và dây chuyền in thủ công tăng cao vào những thời điểm hoạt động bí mật. Để đảm bảo các số báo in ấn tới tay người đọc, tuyên truyền giáo dục phụ nữ và trẻ em, đồng thời cố gắng tuyên truyền xóa nạn mù chữ, nên giá bán được điều chỉnh nhằm đảm bảo bù đắp chi phí tái sản xuất.

Trong thời kỳ này, các tờ báo được in bằng công nghệ in kỹ thuật Typo, hay còn gọi là in chữ cao, in chữ chì. Kỹ thuật in typo khá phổ biến nhưng đòi hỏi sự tỉ mỉ lớn trong thời kỳ đó. Kỹ thuật này đóng vai trò trụ cột trong việc sản xuất và phát hành báo chí, tài liệu cách mạng tại Huế giai đoạn 1930–1945, đặc biệt là trong thời kỳ Mặt trận Dân chủ (1936–1939) và giai đoạn chuẩn bị Tổng khởi nghĩa 1945. Chính quyền cách mạng thời kỳ này chưa có nhà in nắm vững kỹ thuật in, nên tận dụng và hợp tác bí

mật với các nhà in tư nhân tại Huế là giải pháp sinh tử trong điều kiện kiểm duyệt gắt gao của thực dân Pháp và chính quyền Nam triều tại Huế (Hồng Chương, 1987; Nguyễn Thành, 1984).

Kỹ thuật in typô là kỹ thuật dùng các con chữ, ký tự bằng kim loại (thường là chì) được xếp thủ công thành từng dòng, từng trang, sau đó bôi mực và ép lên bề mặt giấy. Chữ in bằng typô có độ sắc nét cao, mực bám chắc, giúp người đọc dễ dàng tiếp cận thông tin mà không bị nhòe mờ, bất chấp chất lượng giấy in thời chiến có thể không cao. Thợ in cùng với các cán bộ cách mạng để có thể truyền tin, tuyên truyền cho người dân, họ đã sáng tạo nhiều cách vận dụng kỹ thuật typô để có thể tránh được khâu kiểm duyệt. Khi nhận được tin báo về những nội dung bị kiểm soát, bị cấm sử dụng, phải cất bỏ ngay trước giờ in, thợ in không kịp xếp lại toàn bộ khuôn, thay vào đó sẽ tháo các dòng chữ bị cấm ra bằng ký tự thay thế hoặc khoảng trắng để kịp giờ phát hành. Khi nhận được tin chiến sự hoặc khẩu hiệu, thợ in bí mật đưa nội dung vào khuôn in ở những vị trí khó phát hiện nhằm vượt qua sự kiểm duyệt, và lén lút chèn các bài viết cách mạng. Hơn nữa, chính quyền Pháp khi kiểm tra các nhà in để lùng sục các tin cổ động, tuyên truyền cách mạng, thợ in và cán bộ cách mạng đã tận dụng các con chữ cũ để đúc lại hoặc dùng con chữ gỗ tự khắc để tránh bị phát hiện qua lượng chữ chì bị tiêu hao khi in ẩn cho các tiêu đề lớn của báo cách mạng (Hồng Chương, 1987).

Sự kết hợp giữa các nhà trí thức cách mạng, những người viết bài, biên tập và thợ in kỹ thuật tư nhân đã tạo nên một mặt trận tuyên truyền hiệu quả ngay giữa lòng đô thị Huế. Đội ngũ thợ in từ các nhà in tư nhân Huế đã được huy động, di chuyển lên chiến khu để thành lập các nhà in kháng chiến của Liên khu 4 và tỉnh Thừa Thiên.

Kích thước tờ báo được bà Xuân Dung lựa chọn là kích thước 260×180 mm, tương đương với khổ giấy B5 hiện đại ngày nay, với tiêu chí gọn gàng, dễ dàng vận chuyển, không cồng kềnh, tiết kiệm tối đa nguyên liệu giấy khan hiếm trong thời kỳ cách mạng. Việc lựa chọn kích thước nhỏ gọn giúp độc giả là phụ nữ, trẻ em có thể dễ dàng cầm nắm, lưu trữ, chuyển tay nhau đọc hoặc cất giấu, vận chuyển tiện lợi trong hoàn cảnh tai mắt địch rình rập.

Mạng lưới giao báo trong điều kiện vô cùng khắc nghiệt khi chiến tranh chia cắt xảy ra, địa bàn liên tục bị càn quét, các địa bàn đô thị bị chiếm đóng. Để có thể đưa báo tới Nhân dân, phương thức chủ yếu là đi bộ, chèo thuyền, vượt sông, leo núi. Họ ngụy trang các tờ báo bằng cách cuộn nhỏ giấu vào ruột gánh rau, búp măng, trong các thúng gạo hai đáy, ruột lợn, đòn gánh tre rỗng, hoặc đáy ghe/thuyền chở củi. Họ có thể giấu báo ở lùm cây, kẽ đá, gốc cây cổ thụ hoặc nhà các gia đình cơ sở cách mạng tránh việc gặp nhau trực tiếp nhằm giảm rủi ro lộ đường dây cách mạng.

Số lượng báo được in trong giai đoạn này rất hạn chế do thiếu giấy và mực, phân phối tờ báo theo kiểu chuyển tay nhau đọc, có thể qua tay hàng trăm người đến khi sờn rách, chứ không phân phối theo kiểu “mỗi người một bản”. Để có thể xóa nạn mù chữ, các cán bộ, những người biết chữ, có thể tổ chức các buổi đọc báo tập thể nghe vào buổi tối hoặc nghỉ giải lao, vừa tuyên truyền tin tức cách mạng, vừa cổ động Nhân dân, vừa cố gắng khuyến khích Nhân dân, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, có thể biết đọc, biết viết chữ (Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, 2002).

Về bố cục và nhận diện đầu trang được quy hoạch một cách khoa học, cung cấp đầy đủ thông tin định danh và pháp lý ngay lập tức. Tên báo *Việt Nam Phụ nữ* được đặt trang trọng ở vị trí cao nhất. Đặc biệt, chữ Việt Nam được cách điệu, lồng ghép tinh tế bên trên chữ Phụ nữ. Việc lồng ghép các chữ cho thấy sự tinh tế của chủ nhiệm Xuân Dung muốn nhấn mạnh sự mềm mại nhưng cứng cỏi của người phụ nữ. Ngay phía dưới là dòng chữ “Cơ quan ngôn luận của phụ nữ”. Sự kết hợp này khẳng định mạnh mẽ tư cách pháp lý, tôn chỉ, mục đích và đối tượng phục vụ duy nhất của tờ báo. Dòng chữ phụ này giúp định vị thương hiệu rõ ràng, phân biệt với các loại tờ rơi hay ấn phẩm giải trí thông thường.

Thông tin xuất bản định kỳ ghi đầy đủ số báo, ngày, tháng, năm xuất bản chính xác, được xuất bản định kỳ vào ngày 01 và ngày 16 hằng tháng, đặt dưới dòng chữ cơ quan ngôn luận của phụ nữ. Đây cũng là tần suất phát hành phổ biến của hầu hết các tờ báo, tạp chí hệ thống báo chí cách mạng với khoảng cách 15 ngày giữa hai số cho phép tòa soạn có đủ thời gian chuẩn bị bài viết, biên tập, và giải

quyết các khâu in ấn, vận chuyển vốn gặp nhiều khó khăn trong điều kiện chiến tranh hay thiếu hụt vật tư, vừa đủ thời gian để sửa chữa máy móc, mua gom giấy mực hoặc chuyển khuôn in sang một cơ sở dự phòng khác để kịp ra số ngày 16. Khoảng cách này vừa đủ để nhà in có dữ liệu để tổng kết, sơ kết tình hình chiến sự/sản xuất, định hướng, nhiệm vụ trong 15 ngày kế tiếp hoặc có thể do địch phát hiện, thu giữ trên đường giao liên, nhà in buộc phải dừng máy để xoay sở nguồn thay thế. Hơn nữa, việc thông báo ngày 01 và 16 hàng tháng cố định của tờ báo này giúp các trạm giao liên chủ động lên kế hoạch đón hàng, tránh việc báo nằm chờ tại trạm gây lộ bí mật. Đồng thời, công tác thu tiền báo, quyết toán tài chính giữa tòa soạn - nhà in - đại lý được diễn ra thuận lợi (Báo Phụ nữ, 1945–1954).

Giá bán được ghi rõ ở góc bên phải tờ báo cho thấy việc niêm yết giá công khai giúp việc phát hành, thu mua và đóng góp tài chính của độc giả cho tòa soạn diễn ra minh bạch, thuận tiện. Báo chí cách mạng vận hành không theo cơ chế bao cấp, hơn nữa nhà in báo Việt Nam Phụ nữ được in bởi nhà in tư nhân do ông Viễn Đông chịu trách nhiệm in ấn, nên họ phải tính toán các chi phí thực tế như mua giấy, mực in, vận chuyển bí mật và nuôi dưỡng thợ in, nên mức giá ghi trên tờ báo được tính toán để số tiền thu được từ việc bán báo có thể giúp tòa soạn tích lũy nguồn vốn xoay vòng để mua vật tư cho các số tiếp theo. Việc niêm yết giá chính thức giúp tờ báo chuyên nghiệp, minh bạch, phân biệt rõ ràng với các loại truyền đơn hay tài liệu tuyên truyền phát miễn phí, đồng thời tránh việc tự ý nâng giá hoặc thất thoát, dễ dàng đối soát. Qua các số báo, sự thay đổi của con số ghi ở góc báo từ 2 đồng lên 3 đồng cũng phản ánh trực tiếp sự biến động giá cả vật tư như giấy, mực và sức mua qua từng thời kỳ chiến sự (Báo Phụ nữ, 1945–1954).

Địa chỉ tòa soạn được ghi ở phía dưới góc bên trái là số 49 Phan Đình Phùng, Huế, phía đối diện ghi tên chủ nhiệm Xuân Dung (Báo Phụ nữ, 1945–1954). Việc công khai địa chỉ cụ thể, tên chủ nhiệm cho thấy tờ báo hoạt động có tổ chức, có cơ sở rõ ràng ngay tại trung tâm đô thị Huế, là điểm hẹn đáng tin cậy để tiếp nhận bài vở và phản hồi từ độc giả nhằm giúp độc giả, cộng tác viên dễ dàng tìm đến tiếp xúc, gửi bài, phản ánh thông tin hoặc khiếu nại; từ đó gia tăng uy tín và tính tương tác thực tế với quần chúng. Địa chỉ tờ báo, tên chủ nhiệm là bà Xuân Dung được ghi công khai, hợp pháp nhằm khẳng định uy tín cá nhân, bảo chứng chất lượng nội dung tờ báo. Tờ báo có trụ sở cố định và sẵn sàng chịu trách nhiệm trước pháp luật cũng như bạn đọc về các nội dung đăng tải đã thể hiện quy mô vận hành bài bản, có bộ máy làm việc tập trung chứ không phải một ấn phẩm hoạt động chui hay mang tính phát hành trôi nổi. Khẳng định sự hiện diện trực tiếp tại Huế, thể hiện vai trò là tiếng nói, diễn đàn thông tin bám sát đời sống chính trị, văn hóa, xã hội của địa phương.

Trang bìa tờ báo *Việt Nam Phụ Nữ* (1949) mang phong cách thiết kế cổ điển, tinh tế và đậm chất Đông Dương. Thiết kế chữ lồng ghép với nhau tạo điểm nhấn thị giác mạnh mẽ, sự phân định rõ ràng bằng các đường kẻ ngang mảnh song song với nhau giữa các dòng chữ. Sự kết hợp giữa chữ Quốc ngữ và chữ Hán vừa mang tính cổ điển vừa khẳng định tên ấn phẩm theo phong cách báo chí của thế kỷ XX. Họa tiết hoa mai - khóm trúc tượng trưng cho sự thanh cao, kiên cường, cùng dáng hình người phụ nữ mặc áo dài truyền thống không chỉ đảm bảo tính nhận diện báo chí mà còn tôn vinh vẻ đẹp, khí chất và vị thế của người phụ nữ Việt Nam trong giai đoạn giữa thế kỷ XX.

2.2. Nội dung báo Việt Nam Phụ nữ

Ở một số ấn phẩm báo Việt Nam Phụ nữ còn lưu giữ tới ngày nay, có thể thấy nội dung cốt lõi và xuyên suốt của tờ báo là tư tưởng tiến bộ phá vỡ định kiến nhận thức về vai trò của người phụ nữ. Tờ báo khẳng định mạnh mẽ rằng phụ nữ không chỉ dừng lại ở vai trò chăm sóc gia đình, nấu cơm, chăm sóc con cái mà còn có tư duy chính trị, quan tâm đến thời sự Tổ quốc, tôn giáo và thời cuộc. Tờ báo Việt Nam Phụ nữ dưới sự dẫn dắt của bà Xuân Dung và ông Viễn Đệ - chủ nhà in Viễn Đệ, đã trở thành diễn đàn tiến bộ khuyến khích phụ nữ bước ra khỏi khuôn mẫu gia đình, cùng với nam giới tham gia vào các hoạt động khoa học, xã hội và tri thức. Trong đó có chuyên mục trang thơ riêng cho tác giả nữ đăng bài, điều đó thể hiện tư tưởng coi trọng tiếng nói, tâm hồn và trí tuệ của người phụ nữ trên diễn đàn văn hóa - nghệ thuật (Báo Phụ nữ, 1945–1954).

Tờ báo xây dựng các nội dung kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, vừa làm mẹ, vừa làm

phụ nữ tân tiến, tham gia kháng chiến. Rất nhiều tấm gương là các nhân vật lịch sử Việt Nam như Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Huyền Trân Công chúa,... hay các nhân vật thế giới như Marie Curie, Tống Mỹ Linh,... Những gương mặt nổi tiếng được đưa vào các bài viết nhằm chứng minh phụ nữ ở bất kỳ thời đại hay quốc gia nào cũng có thể làm nên lịch sử.

Sự đa dạng về nội dung, lĩnh vực trong các chuyên đề không chỉ trải rộng từ các anh hùng dân tộc, mà còn đề cập tới các nhà trí thức, chính trị gia cho đến giáo dục. Đặc biệt, khi tờ báo là một trong số ít tờ báo có bài viết về chủ đề y học, lại còn là tờ báo dành cho phụ nữ. Sự xuất hiện của các chủ đề như giới tính, chuyển đổi giới tính, vệ sinh phụ nữ, sức khỏe sinh sản ngay từ giai đoạn 1948–1949 là cực kỳ táo bạo và tiến bộ vượt thời đại, thể hiện góc nhìn khoa học, cởi mở về cơ thể và sức khỏe phụ nữ.

Tờ báo cũng cho thấy sự chuyên nghiệp khi mở chuyên trang về các luật dành cho phụ nữ nhằm trang bị kiến thức pháp luật để có thể bảo vệ phụ nữ, trẻ em, nhóm người yếu thế trong xã hội. Việc trang bị kiến thức cũng giúp nâng cao nhận thức về quyền lợi hợp pháp, giúp phụ nữ tự bảo vệ mình trong xã hội đương thời.

Dung lượng tờ báo không nhiều, vào khoảng 20 trang, duy trì cố định các chuyên trang cho thấy tư duy làm báo chuyên nghiệp, bài bản và tôn trọng độc giả của ban biên tập mà vẫn bao quát đầy đủ mọi khía cạnh: Khoa học thường thức, Nữ công gia chánh, Chăm sóc sắc đẹp, Nghi lễ, Giáo dục nhi đồng, đáp ứng trọn vẹn nhu cầu thiết thực hàng ngày của độc giả. Vào các ngày lễ, Tết, tờ báo đăng các bài thơ, bài viết ở các chuyên mục Văn học nghệ thuật, Chuyện xưa, Bài viết về vẻ đẹp phụ nữ trong ca dao/thi ca cho thấy tinh thần giữ gìn bản sắc dân tộc vừa giữ cho tờ báo vừa giàu tri thức hiện đại, vừa đậm đà chất trữ tình và bản sắc văn hóa truyền thống (Báo Phụ nữ, 1945–1954).

Trong bối cảnh lịch sử có tỷ lệ mù chữ ở phụ nữ, trẻ em chiếm đa số, ấn phẩm vận hành như một thiết chế giáo dục không chính thức thường được gọi là trường học trên trang giấy. Cấu trúc chuyên mục cố định mang tính sư phạm và thường thức cao: như nuôi dạy trẻ, giáo dục và dân trí, gia đình, văn hóa xã hội,... sử dụng ngôn ngữ dễ gần, mang tính thực hành và dễ tiếp thu giúp Nhân dân thay đổi tư duy sinh hoạt, các vấn đề về chăm sóc sức khỏe,... nhằm nâng cao dân trí cho Nhân dân (Khúc Thị Thanh Huyền, 2015).

2.3. Ý nghĩa và giá trị

Từ góc độ lịch sử báo chí, tờ báo “Việt Nam Phụ nữ” vừa là hiện vật lưu trữ lịch sử phát triển vừa là một cột mốc phản ánh sự trưởng thành của nền báo chí cách mạng Việt Nam trong hoàn cảnh ngặt nghèo của cuộc kháng chiến. Về ý nghĩa, tờ báo trực tiếp đập tan quan niệm “trọng nam khinh nữ” và tư tưởng thu hẹp phụ nữ trong không gian xó bếp, khuyến khích phụ nữ quan tâm đến thời sự Tổ quốc, tôn giáo và các vấn đề lớn của đất nước. Hơn nữa, tờ báo còn dành nhiều trang cho các nữ trí thức thể hiện năng lực sáng tạo văn học, đóng góp tri thức cho xã hội.

Việc đưa các gương mặt điển hình của Việt Nam và thế giới từ xưa tới nay đã tạo nên một bức tranh lịch sử đa chiều, chứng minh phụ nữ ở mọi thời đại, mọi quốc gia đều có khả năng lãnh đạo, cống hiến khoa học và làm nên lịch sử. Hơn nữa, còn trang bị các kiến thức về pháp luật, chăm sóc sức khỏe,... tạo thành bộ cẩm nang toàn diện, giúp người phụ nữ hiện đại vừa tự bảo vệ quyền lợi bản thân, vừa nâng cao chất lượng cuộc sống gia đình (Khúc Thị Thanh Huyền, 2015).

Về giá trị lịch sử, ấn phẩm đã xác lập rõ đối tượng độc giả, không còn gán nội dung về phụ nữ với các nhóm đối tượng khác như trong thời kỳ đầu của báo chí. Việc duy trì ổn định các chuyên trang và đa dạng hóa nội dung cho thấy tư duy làm báo ngày càng chuyên nghiệp, bài bản. Cùng với các tờ báo dành cho phụ nữ được xuất bản trong thời kỳ kháng chiến, ấn phẩm đã góp phần đặt nền móng cho sự phát triển của dòng báo chí phụ nữ (Đỗ Quang Hưng, 2000).

Ngôn ngữ mộc mạc, giàu tính đại chúng như sử dụng nhiều ca dao, hò vè, thơ ca dân gian. Các thể loại như ký sự, phóng sự ngắn, truyện xén (truyện cực ngắn) và thơ chiếm tỷ lệ lớn với câu từ đơn giản dễ thuộc, giúp người đọc dễ dàng truyền miệng, góp phần xóa mù chữ cho phần lớn dân chúng (Hồng Chương, 1987).

Xem tiếp trang 189